BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2020/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2020*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về chuyển giao người bị kết án phạt tù, ký tại Tô-ky-ô ngày 01 tháng 7 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2020.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
NHẬT BẢN
VỀ
CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản (sau đây gọi là "các Bên");

Mong muốn thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thi hành án hình sự;

Nhận thức rằng việc hợp tác nhằm hướng tới thực thi công lý và tái hòa nhập xã hội đối với người bị kết án phạt tù;

Nhận thức rằng có thể đạt được các mục tiêu này thông qua việc tạo cơ hội cho những người bị kết án tước tự do, do thực hiện hành vi phạm tội bên ngoài quốc gia của mình, được thi hành hình phạt ở đất nước của mình; và

Nhận thức rằng cách tốt nhất để có thể đạt được mục tiêu này là cho phép người bị kết án phạt tù được chuyển giao về đất nước của mình;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Giải thích từ ngữ

Phù hợp với mục đích của Hiệp định này:

(a) "Hình phạt" là bất kỳ sự trừng phạt nào liên quan đến tước tự do có thời hạn hoặc không thời hạn do Tòa án tuyên đối với người phạm tội;

(b) "Người bị kết án phạt tù" là người đã bị kết án trong lãnh thổ của một Bên và đang chấp hành hình phạt trong lãnh thổ của Bên đó hoặc Bên kia;

(c) "Bản án" là quyết định hoặc lệnh của Tòa án tuyên hình phạt;

(d) "Bên chuyển giao" là Bên mà từ đó người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao; và

(e) "Bên nhận" là Bên mà người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao đến để thi hành hình phạt.

Điều 2
Các nguyên tắc chung

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này, các Bên cam kết dành cho nhau sự hợp tác toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Người bị kết án phạt tù có thể được chuyển giao từ lãnh thổ của Bên chuyển giao sang lãnh thổ của Bên nhận, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, để thi hành hình phạt đã tuyên đối với người đó. Để đạt được mục tiêu này, người bị kết án phạt tù có thể bày tỏ nguyện vọng được chuyển giao của mình đối với Bên chuyển giao hoặc Bên nhận theo quy định của Hiệp định này.

3. Việc chuyển giao người bị kết án phạt tù có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận yêu cầu.

Điều 3
Điều kiện chuyển giao

1. Theo Hiệp định này, người bị kết án phạt tù chỉ có thể được chuyển giao nếu có đủ các điều kiện sau:

(a) Khi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bên nhận, người bị kết án phạt tù là công dân Việt Nam;

Khi Nhật Bản là Bên nhận, người bị kết án phạt tù là công dân Nhật Bản hoặc bất cứ người nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật chuyển giao người bị kết án phạt tù xuyên quốc gia của Nhật Bản (Luật số 66 năm 2002);

(b) Bản án đó đã có hiệu lực pháp luật;

(c) Tại thời điểm tiếp nhận yêu cầu chuyển giao, thời gian chấp hành hình phạt của người bị kết án phạt tù còn ít nhất một năm hoặc người bị kết án phạt tù đang chấp hành hình phạt không xác định thời hạn;

(d) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý của người bị kết án phạt tù;

(e) Hành động hoặc không hành động là căn cứ để tuyên hình phạt cũng cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận; và

(f) Bên chuyển giao và Bên nhận đồng ý việc chuyển giao.

2. Các Bên có thể đồng ý chuyển giao cả trong trường hợp thời hạn hình phạt mà người bị kết án phạt tù phải thi hành ít hơn thời hạn được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 4

Cơ quan Trung ương

1. Mỗi Bên sẽ chỉ định một Cơ quan Trung ương nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc liên lạc giữa các Bên theo các điều 5, 6 và 13 của Hiệp định này:

(a) Về phía Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cơ quan Trung ương là Bộ Công an; và

(b) Về phía Nhật Bản, Cơ quan Trung ương là Bộ Ngoại giao.

2. Liên lạc giữa các Bên theo các điều đã nêu ở trên sẽ được thực hiện thông qua các Cơ quan Trung ương.

Ngoại trừ các quy định ở trên, Bộ Công an nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Tư pháp Nhật Bản có thể liên lạc trực tiếp với

nhau trong trường hợp khẩn cấp hoặc các trường hợp đặc biệt khác, phù hợp với pháp luật và quy định của mỗi nước.

Điều 5
Yêu cầu và việc trả lời

1. Các yêu cầu chuyển giao và bản trả lời phải được lập bằng văn bản.

2. Bên được yêu cầu phải nhanh chóng thông báo cho Bên yêu cầu về quyết định có đồng ý với việc chuyển giao hay không.

Điều 6
Thủ tục chuyển giao

1. Người bị kết án phạt tù chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này sẽ được Bên chuyển giao thông báo về bản chất của Hiệp định này.

2. Nếu người bị kết án phạt tù trình bày nguyện vọng được chuyển giao đến Bên chuyển giao theo quy định của Hiệp định này, Bên chuyển giao sẽ thông báo cho Bên nhận bằng văn bản ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Thông tin sẽ bao gồm:

(a) Họ tên, quốc tịch, ảnh, ngày và nơi sinh của người bị kết án phạt tù;

(b) Địa chỉ cư trú của người bị kết án phạt tù tại Bên nhận, nếu có;

(c) Một bản báo cáo về các tình tiết vụ án mà trên cơ sở đó hình phạt được tuyên; và

(d) Bản chất, thời hạn, ngày bắt đầu và ngày kết thúc thi hành hình phạt.

4. Nếu người bị kết án phạt tù trình bày nguyện vọng được chuyển giao đến Bên nhận, Bên chuyển giao sẽ cung cấp bằng văn bản cho Bên nhận các thông tin được quy định tại khoản 3 Điều này khi có yêu cầu.

5. Nếu Bên chuyển giao yêu cầu, Bên nhận sẽ cung cấp cho Bên chuyển giao các tài liệu hoặc báo cáo sau đây, trừ khi Bên nhận thông báo sẽ không đồng ý chuyển giao:

(a) Một tài liệu hoặc báo cáo về việc người bị kết án phạt tù là công dân của Bên nhận; hoặc nếu Nhật Bản là Bên nhận, người bị kết án đó là người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3;

(b) Một bản sao luật có liên quan của Bên nhận quy định hành động hoặc không hành động là căn cứ tuyên hình phạt ở Bên chuyển giao cũng cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận; và

(c) Một bản mô tả cách thức mà Bên nhận sẽ thi hành hình phạt.

6. Nếu có yêu cầu chuyển giao, Bên chuyển giao sẽ cung cấp các tài liệu hoặc báo cáo sau đây cho Bên nhận, trừ khi một Bên thông báo sẽ không đồng ý chuyển giao:

(a) Một bản sao bản án và luật làm căn cứ;

(b) Một bản báo cáo về việc thời gian đã thi hành hình phạt, bao gồm thông tin về miễn giảm hình phạt và bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc thi hành hình phạt;

(c) Một bản báo cáo về việc đồng ý chuyển giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3; và

(d) Các báo cáo về y tế hoặc xã hội hoặc báo cáo về cải tạo trong trại giam của người bị kết án phạt tù, thông tin về quá trình điều trị của người đó tại Bên chuyển giao và bất kỳ khuyến nghị nào về việc tiếp tục điều trị người đó tại Bên nhận.

7. Một Bên có thể yêu cầu được cung cấp bất kỳ tài liệu hoặc báo cáo nào được quy định tại khoản 5 hoặc 6 của Điều này trước khi lập yêu cầu chuyển giao hoặc quyết định có đồng ý chuyển giao hay không.

8. Bên chuyển giao hoặc Bên nhận phải thông báo bằng văn bản cho người bị kết án phạt tù về mọi hoạt động được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 4 của Điều này cũng như về bất kỳ quyết định nào được một Bên đưa ra liên quan đến yêu cầu chuyển giao của người đó.

Điều 7
Sự đồng ý và việc xác nhận

1. Bên chuyển giao phải đảm bảo rằng người bị kết án phạt tù đồng ý với việc chuyển giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 một cách tự nguyện và với nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc chuyển giao. Thủ tục bày tỏ sự đồng ý về việc chuyển giao sẽ do pháp luật của Bên chuyển giao điều chỉnh.

2. Bên chuyển giao sẽ tạo điều kiện cho Bên nhận xác minh, thông qua một viên chức lãnh sự hoặc nhân viên khác được Bên nhận chỉ định, sự đồng ý chuyển giao đó được đưa ra phù hợp với các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8
Hiệu lực của việc chuyển giao đối với Bên chuyển giao

1. Việc thi hành hình phạt đối với người bị kết án phạt tù do cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận thực hiện sẽ dẫn đến hệ quả đình chỉ việc thi hành hình phạt đó ở Bên chuyển giao.

2. Bên chuyển giao không được thi hành hình phạt nếu Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đó đã kết thúc.

Điều 9
Tiếp tục thi hành hình phạt

1. Bên nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt thông qua việc thực hiện các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật và quy định của nước mình.

2. Việc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật và quy định của Bên nhận, bao gồm các điều kiện thi hành hình phạt tù hoặc các hình phạt tước tự do khác và các quy định về giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù hoặc các hình phạt tước tự do khác thông qua việc tha tù trước thời hạn có điều kiện hoặc các hình thức khác.

3. Bên nhận sẽ chịu sự ràng buộc về bản chất pháp lý và thời hạn của hình phạt được quyết định bởi Bên chuyển giao.

4. Tuy nhiên, nếu bản chất hoặc thời hạn của hình phạt không tương thích với pháp luật của Bên nhận hoặc pháp luật của Bên nhận yêu cầu như vậy, thì Bên nhận có thể, thực hiện các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật và quy định của nước mình, chuyển đổi hình phạt được tuyên ở Bên chuyển giao cho phù hợp với hình phạt theo pháp luật nước mình. Liên quan đến bản chất và thời hạn của hình phạt, hình phạt được chuyển đổi phải tương ứng với hình phạt được tuyên ở Bên chuyển giao nhiều nhất có thể. Hình phạt được chuyển đổi không được nặng hơn so với hình phạt đã được tuyên tại Bên chuyển giao về bản chất và thời hạn.

Điều 10
Đặc xá, đại xá, giảm hình phạt

Một Bên có thể quyết định đặc xá, đại xá, hoặc giảm hình phạt phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và các quy định của nước mình.

Điều 11
Xem xét lại bản án

Chỉ Bên chuyển giao mới có quyền xem xét lại bản án của mình.

Điều 12
Chấm dứt việc thi hành hình phạt

Bên nhận sẽ chấm dứt thi hành hình phạt ngay khi Bên chuyển giao thông báo về quyết định hoặc biện pháp dẫn đến việc chấm dứt thi hành hình phạt.

Điều 13
Thông tin về việc thi hành hình phạt

Bên nhận cung cấp các thông tin liên quan đến việc thi hành hình phạt cho Bên chuyển giao:

(a) Khi Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đã kết thúc;

(b) Khi người bị kết án phạt tù bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi chấp hành xong hình phạt; hoặc

(c) Khi Bên chuyển giao yêu cầu một bản báo cáo đặc biệt.

Điều 14
Ngôn ngữ và chi phí

1. Yêu cầu chuyển giao và văn bản trả lời cùng với các thông tin, tài liệu và báo cáo được quy định trong Hiệp định này phải được lập bằng ngôn ngữ của Bên mà các thông tin và tài liệu này được chuyển đến hoặc tiếng Anh.

2. Chi phí phát sinh trong việc áp dụng Hiệp định này sẽ do Bên nhận chi trả trừ những chi phí phát sinh hoàn toàn trong phạm vi lãnh thổ của Bên chuyển giao.

Điều 15
Tham vấn

Theo yêu cầu của một Bên, các Bên sẽ tiến hành tham vấn liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này.

Điều 16
Tiêu đề

Tiêu đề của các điều trong Hiệp định này được đưa vào chỉ để thuận tiện cho việc tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích Hiệp định này.

Điều 17
Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày các Bên trao đổi văn kiện ngoại giao thông báo cho nhau về việc hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định được áp dụng đối với việc thi hành hình phạt được tuyên trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

3. Một Bên có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày thứ một trăm tám mươi (180) sau ngày thông báo được đưa ra.

4. Hiệp định sẽ tiếp tục được áp dụng đối với việc thi hành hình phạt của người bị kết án phạt tù đã được chuyển giao phù hợp với các quy định của Hiệp định này trước ngày việc chấm dứt Hiệp định có hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, các đại diện dưới đây, được ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Tokyo, thành hai bản, bằng tiếng Việt, tiếng Nhật và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau, vào ngày 01 tháng 7 năm 2019. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, bản tiếng Anh sẽ làm căn cứ để đối chiếu.

THAY MẶT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **NHẬT BẢN**
Lê Quý Vương **THỨ TRƯỞNG** **BỘ CÔNG AN**	**Toshiko Abe** **THỨ TRƯỞNG** **BỘ NGOẠI GIAO**

刑を言い渡された者の移送に関するベトナム社会主義共和国と日本国との間の条約

ベトナム社会主義共和国及び日本国（以下「両締約国」という。）は、

刑の執行の分野における国際的な協力を一層促進することを希望し、

このような協力が司法の目的及び刑を言い渡された者の社会復帰を促進すべきであることを考慮し、

これらを促進するためには、犯罪を行った結果として本国の外において自由を奪われている者に対し自己の属する社会においてその刑に服する機会を与えることが求められていることを考慮し、

これらの者をその本国に移送することによりそのような要請に最もよく応ずることができることを考慮して、

次のとおり協定した。

第一条　定義

この条約の適用上、

(a)　「刑」とは、裁判所が犯罪を理由として命ずる有期又は無期のあらゆる刑罰であって自由の剥奪を伴

うものをいう。

(b) 「刑を言い渡された者」とは、いずれか一方の締約国の領域内で刑を言い渡された者であって当該一方の締約国又は他方の締約国の領域内で当該刑に服しているものをいう。

(c) 「判決」とは、刑を言い渡す裁判所の決定又は命令をいう。

(d) 「移送国」とは、刑を言い渡された者を移送し得る締約国又は移送した締約国をいう。

(e) 「受入国」とは、刑を言い渡された者がその刑に服するために移送され得る締約国又は移送された締約国をいう。

第二条 一般原則

1 各締約国は、他方の締約国に対し、刑を言い渡された者の移送に関してこの条約に従って協力のための最大限の措置をとることを約束する。

2 刑を言い渡された者は、自己に言い渡された刑に服するため、この条約に従って移送国の領域から受入国の領域に移送されることができる。このため、刑を言い渡された者は、移送国又は受入国に対し、この条約に従って移送されることについて自己の関心を表明することができる。

3 移送国又は受入国のいずれの締約国も、移送について要請することができる。

第三条　移送の条件

1 刑を言い渡された者については、次に掲げる条件が満たされている場合に限り、この条約に基づいて移送することができる。

(a) ベトナム社会主義共和国が受入国である場合には、刑を言い渡された者がベトナム国民であること。日本国が受入国である場合には、刑を言い渡された者が日本国民又は日本国の国際受刑者移送法（平成十四年法律第六十六号）の適用を受けるその他の者であること。

(b) 判決が確定していること。

(c) 移送の要請があった時に、刑を言い渡された者が刑に服する期間として少なくとも一年の期間が残っていること又は刑の期間が定められていないこと。

(d) 刑を言い渡された者が移送に同意していること。

(e) 刑が科せられる理由となった作為若しくは不作為が受入国の法令により犯罪を構成すること又は当該作為若しくは不作為が受入国の領域において行われたとした場合において犯罪を構成すること。

(f) 移送国及び受入国が移送に同意していること。

2 両締約国は、刑を言い渡された者の刑に服すべき期間が1(c)に規定する期間よりも短いときにおいても、移送に同意することができる。

第四条 中央当局

1 各締約国は、次条、第六条及び第十三条の規定に基づく両締約国間の連絡を円滑にするため、中央当局を指定する。

(a) ベトナム社会主義共和国については、中央当局は、公安省とする。

(b) 日本国については、中央当局は、外務省とする。

2 1に規定する各条の規定に基づく両締約国間の連絡は、中央当局を通じて行う。この2の規定にかかわらず、緊急その他特別の事情がある場合には、それぞれの国の法令に定めるところにより、ベトナム社会主義共和国公安省及び日本国法務省は、直接相互に連絡することができる。

第五条 要請及び回答

1 移送の要請及び回答は、書面により行う。

2　要請を受けた締約国は、要請された移送に同意するかしないかについての決定を速やかに要請を行った締約国に通報する。

第六条　移送に関する手続

1　移送国は、刑を言い渡された者であってこの条約の適用を受けることのできる全てのものに対し、この条約の内容を通知する。

2　移送国は、刑を言い渡された者がこの条約に従って移送されることについて移送国に対して関心を表明した場合には、判決が確定した後速やかに、受入国に対してその旨を書面により通報する。

3　2の通報には、次に掲げる事項を含む。

(a)　刑を言い渡された者の氏名、国籍、写真、生年月日及び出生地

(b)　刑を言い渡された者が受入国に住所を有する場合には、受入国における住所

(c)　刑の根拠となった事実の説明

(d)　刑の性質、期間、開始日及び終了日

4　移送国は、刑を言い渡された者がその移送について受入国に対して関心を表明した場合には、受入国の

要請により3に掲げる事項を受入国に対して書面により通報する。

5 受入国は、移送国の要請があった場合には、受入国が移送に同意しない旨を明示するときを除くほか、移送国に対して次に掲げる文書又は説明書を提供する。

(a) 刑を言い渡された者が受入国の国民であること又は日本国が受入国である場合には刑を言い渡された者が第三条1(a)に規定するその他の者であることを示す文書又は説明書

(b) 移送国において刑が科せられる理由となった作為若しくは不作為が受入国の法令により犯罪を構成すること又は当該作為若しくは不作為が受入国の領域において行われたとした場合において犯罪を構成することを示す受入国の関係法令の写し

(c) 受入国による刑の執行方法に関する説明書

6 移送国は、移送の要請が行われた場合には、移送国又は受入国が移送に同意しない旨を明示するときを除くほか、受入国に対して次に掲げる文書又は説明書を提供する。

(a) 判決及び判決の根拠となった法令の写し

(b) 既に刑に服した期間を明示する説明書（刑の減免その他刑の執行に関連する事項についての情報に係

るものを含む。）

(c) 第三条1(d)に規定する移送についての同意を記載した書面

(d) 刑を言い渡された者の医療若しくは社会生活に関する報告書又は刑事施設における行状に関する報告書、移送国における刑を言い渡された者の処遇に関する情報及び受入国における移送後の刑を言い渡された者の処遇に関する意見に関する文書

7 移送国又は受入国は、移送について要請する前又は移送に同意するかしないかを決定する前に、5又は6に掲げる文書又は説明書の提供を求めることができる。

8 移送国又は受入国は、刑を言い渡された者に対し、2及び4の規定に従ってとった全ての措置並びにいずれかの締約国が移送の要請について行った全ての決定を書面により通知する。

第七条 同意及びその確認

1 移送国は、第三条1(d)の規定に従って移送に同意する刑を言い渡された者が任意に、かつ、移送の法的な効果について十分な知識をもって、同意することを確保する。その同意に関する手続は、移送国の法令により規律される。

2　移送国は、受入国に対し、同意が1に定める条件に従ってなされたことを領事又は受入国の指定する他の公務員を通じて確認する機会を与える。

第八条　移送国に対する移送の効果

1　受入国の当局による刑を言い渡された者の身柄の受領は、移送国における刑の執行を停止する効力を有する。

2　移送国は、受入国が刑の執行を終了したと認める場合には、当該刑をもはや執行することができない。

第九条　刑の執行の継続

1　受入国は、自国の法令に従って必要な措置をとることにより移送国の刑の執行を継続する。

2　移送後の刑の執行の継続は、受入国の法令（拘禁その他の形態の自由の剥奪に服する条件を規律するもの及び仮釈放その他の措置による拘禁その他の形態の自由の剥奪の期間の短縮について定めるものを含む。）により規律される。

3　受入国は、移送国が決定した刑の法的な性質及び期間を受け入れなければならない。

4　もっとも、受入国は、刑の性質若しくは期間が自国の法令に適合しない場合又は自国の法令が要求する

場合には、自国の法令に従って必要な措置をとることにより、移送国において命ぜられた制裁を同一の犯罪行為について自国の法令に規定する制裁に合わせることができる。受入国の法令に規定する制裁に合わせられた制裁は、その性質及び期間に関して、移送国において命ぜられた制裁にできる限り合致するものとする。受入国の法令に規定する制裁に合わせられた制裁は、その性質及び期間について、移送国において命ぜられた制裁よりも重いものであってはならない。

第十条　特赦、大赦及び減刑

各締約国は、自国の憲法及び法令に従い、特赦、大赦又は減刑を認めることができる。

第十一条　判決に対する再審

移送国のみが判決に対する再審の請求について決定する権利を有する。

第十二条　刑の執行の終了

受入国は、決定又は措置であってその結果として刑を執行することが不可能となるものについて移送国からの通報を受けた場合には、直ちにその刑の執行を終了する。

第十三条　刑の執行に関する情報

受入国は、次に掲げる場合には、移送国に対して刑の執行に関する情報を提供する。

(a) 刑の執行が終了したと受入国が認める場合

(b) 刑を言い渡された者がその刑の執行が終了する前に逃走し、又は死亡した場合

(c) 移送国が特に報告を求める場合

第十四条　言語及び費用

1 移送の要請及び回答並びにこの条約に従って提供する情報、文書及び説明書は、これらの宛先となる締約国の言語又は英語により提供する。

2 この条約の適用に当たり要する費用は、専ら移送国の領域において要する費用を除くほか、受入国が負担する。

第十五条　協議

両締約国は、いずれかの締約国の求めにより、この条約の解釈及び適用について協議する。

第十六条　見出し

この条約中の条の見出しは、引用上の便宜のためにのみ付されたものであって、この条約の解釈に影響を

及ぼすものではない。

第十七条　効力発生及び終了

1　この条約は、両締約国がこの条約の効力発生に必要なそれぞれの国内手続を完了した旨を相互に通告する外交上の公文を交換した日の後三十日目の日に効力を生ずる。

2　この条約は、その効力が生ずる日の前又は以後に言い渡された刑の執行について適用する。

3　いずれの一方の締約国も、外交上の経路を通じて他方の締約国に対して書面による通告を行うことにより、いつでもこの条約を終了させることができる。終了は、当該通告の日の後百八十日目の日に効力を生ずる。

4　この条約は、終了の日の前にこの条約に従って移送された刑を言い渡された者の刑の執行について引き続き適用する。

以上の証拠として、下名は、正当に委任を受けてこの条約に署名した。

二千十九年七月一日に東京で、ひとしく正文であるベトナム語、日本語及び英語により本書二通を作成した。解釈に相違がある場合には、英語の本文による。

ベトナム社会主義共和国のために

公安次官　レー・クイ・ヴオン

日本国のために

外務副大臣　阿部　俊子

TREATY

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

JAPAN

ON THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

The Socialist Republic of Viet Nam and Japan (hereinafter referred to as "the Parties");

Desiring to further promote international co-operation in the field of enforcement of sentences;

Considering that such co-operation should further the ends of justice and the social rehabilitation of sentenced persons;

Considering that these objectives require that persons who are deprived of their liberty outside their own country as a result of their commission of a criminal offence should be given the opportunity to serve their sentences within their own society; and

Considering that this aim can best be achieved by having them transferred to their own country;

Have agreed as follows:

Article 1
Definitions

For the purposes of this Treaty:

(a) "sentence" means any punishment involving deprivation of liberty ordered by a court for a limited or unlimited period of time on account of a criminal offence;

(b) "sentenced person" means a person on whom the sentence has been imposed in the territory of either Party and who is serving that sentence in the territory of that Party or the other Party;

(c) "judgment" means a decision or order of a court imposing a sentence;

(d) "transferring Party" means the Party from which the sentenced person may be, or has been, transferred; and

(e) "receiving Party" means the Party to which the sentenced person may be, or has been, transferred in order to serve his or her sentence.

Article 2

General principles

1. Each Party undertakes to afford the other Party the widest measure of co-operation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Treaty.

2.A sentenced person may be transferred from the territory of the transferring Party to the territory of the receiving Party, in accordance with the provisions of this Treaty, in order to serve the sentence imposed on him or her. To that end, the sentenced person may express his or her interest to the transferring Party or to the receiving Party in being transferred under this Treaty.

3. Transfer may be requested by either the transferring Party or the receiving Party.

Article 3

Conditions for transfer

1. A sentenced person may be transferred under this Treaty only on the following conditions:

(a) where the Socialist Republic of Viet Nam is the receiving Party, the sentenced person is a Vietnamese national;

where Japan is the receiving Party, the sentenced person is a Japanese national or any other person who falls within the scope of the Act

on the Transnational Transfer of Sentenced Persons (Law No. 66 of 2002) of Japan;

(b) if the judgment is final;

(c) if, at the time of receipt of the request for transfer, the sentenced person still has at least one year of the sentence to serve or if the sentence is indeterminate;

(d) if the transfer is consented to by the sentenced person;

(e) if the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed constitute a criminal offence according to the law of the receiving Party or would constitute a criminal offence if committed on its territory; and

(f) if the transferring Party and the receiving Party agree to the transfer.

2. The Parties may agree to a transfer even if the time of the sentence to be served by the sentenced person is less than that specified in sub-paragraph (c), paragraph 1 of this Article.

Article 4
Central authorities

1. Each Party shall designate a central authority for the purpose of facilitating communications between the Parties under Articles 5, 6 and 13:

(a) for the Socialist Republic of Viet Nam, the central authority shall be the Ministry of Public Security; and

(b) for Japan, the central authority shall be the Ministry of Foreign Affairs.

2. Communications between the Parties under the said Articles shall be made through the central authorities. Notwithstanding the above, the Ministry of Public Security of the Socialist Republic of Viet Nam and the Ministry of Justice of Japan may communicate with each other directly in case of emergency or other extraordinary circumstances in accordance with the laws and regulations of the respective countries.

Article 5
Requests and replies

1. Requests for transfer and replies shall be made in writing.

2. The requested Party shall promptly inform the requesting Party of its decision on whether or not to agree to the requested transfer.

Article 6
Procedure for transfer

1. Any sentenced person to whom this Treaty may apply shall be informed by the transferring Party of the substance of this Treaty.

2. If the sentenced person has expressed an interest to the transferring Party in being transferred under this Treaty, the transferring Party shall so inform the receiving Party in writing promptly after the judgment becomes final.

3. The information shall include:

(a) the full name, nationality, photograph and date and place of birth of the sentenced person;

(b) his or her address, if any, in the receiving Party;

(c) a statement of the facts upon which the sentence was based; and

(d) the nature, duration and dates of commencement and termination of the sentence.

4. If the sentenced person has expressed his or her interest to the receiving Party, the transferring Party shall, upon request, communicate in writing to the receiving Party the information referred to in paragraph 3 of this Article.

5. The receiving Party, if requested by the transferring Party, shall furnish it with the following documents or statements unless the receiving Party has already indicated that it will not agree to the transfer:

(a) a document or statement indicating that the sentenced person is a national of the receiving Party, or, where Japan is the receiving Party, any other person as provided for in sub-paragraph (a), paragraph 1 of Article 3;

(b) a copy of the relevant law of the receiving Party which provides that the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed in the transferring Party constitute a criminal offence according to the law of the receiving Party, or would constitute a criminal offence if committed on its territory; and

(c) a statement describing how the sentence would be enforced by the receiving Party.

6. If a transfer is requested, the transferring Party shall provide the following documents or statements to the receiving Party, unless either Party has already indicated that it will not agree to the transfer:

(a) a copy of the judgment and the law on which it is based;

(b) a statement indicating how much of the sentence has already been served, including information on any remission and any other factor relevant to the enforcement of the sentence;

(c) a statement containing the consent to the transfer as referred to in sub-paragraph (d), paragraph 1 of Article 3; and

(d) any medical or social reports or behaviour report in prison on the sentenced person, information about his or her treatment in the transferring Party, and any recommendation for his or her further treatment in the receiving Party.

7. Either Party may ask to be provided with any of the documents or statements referred to in paragraph 5 or 6 of this Article before making a request for transfer or taking a decision on whether or not to agree to the transfer.

8. The sentenced person shall be informed, in writing, of any action taken by the transferring Party or by the receiving Party under paragraphs 2 and 4 of this Article, as well as of any decision taken by either Party on a request for his or her transfer.

Article 7
Consent and its verification

1. The transferring Party shall ensure that the sentenced person who gives consent to the transfer in accordance with sub-paragraph (d), paragraph 1 of Article 3 does so voluntarily and with full knowledge of the legal consequences thereof. The procedure for giving such consent shall be governed by the law of the transferring Party.

2. The transferring Party shall afford an opportunity to the receiving Party to verify through a consul or other official designated by the receiving Party, that the consent is given in accordance with the conditions set out in paragraph 1 of this Article.

Article 8
Effect of transfer for transferring Party

1. The taking into charge of the sentenced person by the authorities of the receiving Party shall have the effect of suspending the enforcement of the sentence in the transferring Party.

2. The transferring Party may no longer enforce the sentence if the receiving Party considers enforcement of the sentence to have been completed.

Article 9
Continued enforcement of sentence

1. The receiving Party shall continue the enforcement of the sentence by taking necessary measures in accordance with its laws and regulations.

2. The continued enforcement of the sentence after the transfer shall be governed by the laws and regulations of the receiving Party, including those governing conditions for service of imprisonment or other form of deprivation of liberty and those providing for the reduction of the term of imprisonment or other form of deprivation of liberty by parole or otherwise.

3. The receiving Party shall be bound by the legal nature and duration of the sentence as determined by the transferring Party.

4. If, however, this sentence is by its nature or duration incompatible with the law of the receiving Party, or its law so requires, that Party may, by taking necessary measures in accordance with its laws and regulations, adapt the sanction imposed in the transferring Party to a sanction prescribed by its own law for a similar offence. As to its nature and duration, the adapted sanction shall, as far as possible, correspond with the sanction imposed in the transferring Party. It shall not be severer than that imposed in the transferring Party, in terms of nature and duration.

Article 10
Pardon, amnesty, commutation

Each Party may grant pardon, amnesty or commutation of the sentence in accordance with its Constitution, laws and regulations.

Article 11
Review of judgment

The transferring Party alone shall have the right to decide on any application for review of the judgment.

Article 12
Termination of enforcement of sentence

The receiving Party shall terminate enforcement of the sentence as soon as it is informed by the transferring Party of any decision or measure as a result of which the sentence ceases to be enforceable.

Article 13
Information on enforcement of sentence

The receiving Party shall provide information to the transferring Party concerning the enforcement of the sentence:

(a) when it considers enforcement of the sentence to have been

completed;

(b) if the sentenced person has escaped from custody or died before enforcement of the sentence has been completed; or

(c) if the transferring Party requests a special report.

Article 14
Language and costs

1. Requests for the transfer and replies, and information, documents and statements provided under this Treaty shall be furnished in the language of the Party to which they are addressed or in English.

2. Any costs incurred in the application of this Treaty shall be borne by the receiving Party, except costs incurred exclusively in the territory of the transferring Party.

Article 15
Consultations

The Parties shall consult, at the request of either Party, concerning the interpretation and the application of this Treaty.

Article 16
Headings

The headings of the Articles of this Treaty are inserted for convenience of reference only and shall not affect the interpretation of this Treaty.

Article 17
Entry into force and termination

1. This Treaty shall enter into force on the thirtieth day after the date on which the Parties exchange diplomatic notes informing each other that their respective internal procedures necessary to give effect to this Treaty have been completed.

2. This Treaty shall be applicable to the enforcement of sentences imposed either before or after its entry into force.

3. Either Party may terminate this Treaty at any time by notice in writing to the other Party through the diplomatic channel. Termination shall take effect on the one hundred and eightieth day after the date on which the notice is given.

4. This Treaty shall continue to apply to the enforcement of sentences of sentenced persons who have been transferred in conformity with the provisions of this Treaty prior to the date of termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorised, have signed this Treaty.

Done at Tokyo, in duplicate, in the Vietnamese, Japanese and English languages, all texts being equally authentic, this first day of July, 2019. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR JAPAN
Le Quy Vuong DEPUTY MINISTER OF PUBLIC SECURITY	Toshiko Abe STATE MINISTER FOR FOREIGN AFFAIRS